 **TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP. HCM**
Cơ hội học tập cho mọi người

KHOA KẾ TOÁN- KIỂM TOÁN

Chương 1

TỔNG QUAN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN VIỆT NAM

2016 1

NỘI DUNG

- Tổng quan về kế toán tài chính
- Hệ thống tài khoản kế toán VN

3

MỤC TIÊU

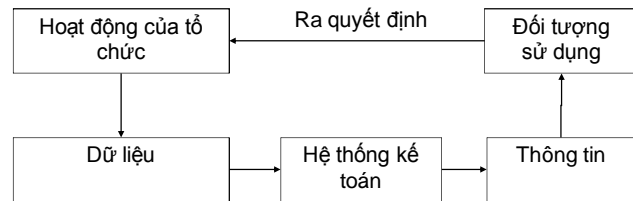
- 1 Trình bày vai trò của thông tin kế toán tài chính trong việc đưa ra quyết định.
- 2 Giới thiệu hệ thống kế toán Việt Nam.
- 3 Giải thích những nội dung của KM LTKT cũng như những nguyên tắc cơ bản trong việc trình bày BCTC.
- 4 Vận dụng hệ thống tài khoản kế toán một cách tổng quát vào các phần hành kế toán của một số loại hình doanh nghiệp.

TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

- Thông tin kế toán và việc ra quyết định.
- Giới thiệu hệ thống kế toán Việt Nam
- Khuôn mẫu lý thuyết kế toán
- Trình bày báo cáo tài chính

4

Thông tin kế toán và việc ra quyết định



5

Thông tin trên báo cáo tài chính

- Tình hình tài chính
- Tình hình kinh doanh
- Tình hình lưu chuyển tiền tệ
- Các thông tin bổ sung

7

Kế toán tài chính

- Cung cấp thông tin chủ yếu cho các đối tượng ở bên ngoài đơn vị, thông qua các báo cáo tài chính.
 - Đối tượng bên ngoài doanh nghiệp:
 - Báo cáo tài chính:

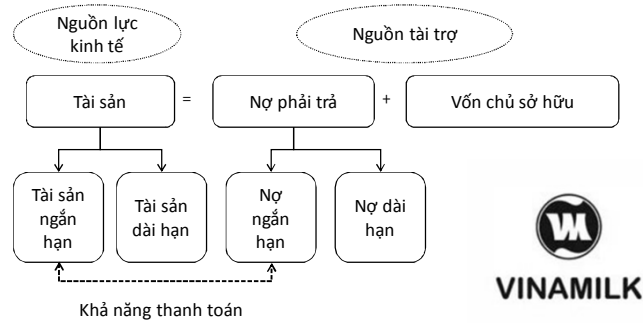
6

Tình hình tài chính

- Các nguồn lực kinh tế mà DN kiểm soát
- Các nguồn tài trợ cho tài sản
- Khả năng trả các món nợ đến hạn

8

Tình hình tài chính



Tim hiệu BCTC của VNM

9

Tình hình lưu chuyển tiền tệ

- Tình hình tạo ra tiền từ hoạt động kinh doanh
- Tình hình sử dụng/thu hồi tiền từ hoạt động đầu tư
- Tình hình huy động/hoàn trả nguồn lực từ chủ nợ và chủ sở hữu



VINAMILK

Tim hiệu BCTC của VNM

11

Tình hình kinh doanh

- Quy mô kinh doanh
- Khả năng tạo ra lợi nhuận của DN
- Ảnh hưởng của đòn bẩy tài chính



Tim hiệu BCTC của VNM

10

Thông tin bổ sung

- Bản thuyết minh BCTC
 - Chính sách kế toán
 - Số liệu chi tiết
 - Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu
 - Các thông tin về rủi ro
 - Các thông tin khác



VINAMILK

Tim hiệu BCTC của VNM

12

Hệ thống kế toán Việt Nam

- Hệ thống kế toán Việt Nam được quy định theo pháp luật Việt Nam:
 - Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn
 - Các chuẩn mực kế toán
 - Các hệ thống kế toán doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, ngân hàng...

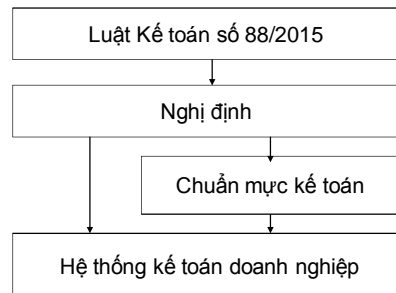
13

Luật Kế toán

- Do Quốc hội ban hành năm 2015
- Các nội dung cơ bản
 - Đối tượng chi phối
 - Các quy định cơ bản về đơn vị, kỳ kế toán...
 - Các yêu cầu cụ thể về sổ sách, chứng từ...
 - Thông tin công khai và báo cáo
 - Quản lý Nhà nước về kế toán
 - Hành nghề kế toán
 - Tổ chức nghề nghiệp.
- Được hướng dẫn bởi Nghị định 128 và 129 của Chính Phủ

15

Hệ thống kế toán (áp dụng cho DN)



14

Chuẩn mực kế toán

- Được ban hành bởi Bộ Tài chính
- Xây dựng dựa trên IFRS có điều chỉnh cho phù hợp với VN.
- Đã ban hành 26 VAS được hướng dẫn bởi 3 thông tư 20, 21 và 161.
- Quy định các nguyên tắc chung và các nguyên tắc cụ thể liên quan đến việc ghi nhận, đánh giá và trình bày trên BCTC (bao gồm các thuyết minh liên quan).

16

Hệ thống kế toán doanh nghiệp

- ❑ Hướng dẫn chế độ kế toán DN được ban hành bởi Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, được áp dụng cho niên độ kế toán từ năm 2015.
- ❑ Bao gồm:
 - Hệ thống chứng từ
 - Hệ thống tài khoản
 - Hệ thống sổ sách
 - Hệ thống báo cáo tài chính
- ❑ Bên cạnh còn có hệ thống kế toán dành cho DN nhỏ và vừa ban hành theo Quyết định 48/2006/QĐ-BTC (từ 01/01/2017, Thông tư 133/2016/TT-BTC sẽ thay thế Quyết định 48/2006/QĐ-BTC)

17

Các nguyên tắc kế toán cơ bản

- ❑ Cơ sở dồn tích
- ❑ Hoạt động liên tục
- ❑ Giá gốc
- ❑ Phù hợp
- ❑ Nhất quán
- ❑ Thận trọng
- ❑ Trọng yếu

19

Khuôn mẫu lý thuyết kế toán

- ❑ Được ban hành theo VAS 01 - Chuẩn mực chung
- ❑ Bao gồm những nội dung chủ yếu sau:
 - Các nguyên tắc kế toán cơ bản
 - Các yêu cầu cơ bản của kế toán
 - Các yếu tố của BCTC

18

Cơ sở dồn tích

- ❑ Mọi nghiệp vụ kinh tế, tài chính của doanh nghiệp liên quan đến tài sản, nợ phải trả, nguồn vốn chủ sở hữu, doanh thu, chi phí phải được ghi sổ kế toán vào thời điểm phát sinh, không căn cứ vào thời điểm thực tế thu hoặc thực tế chi tiền hoặc tương đương tiền.
- ❑ Báo cáo tài chính lập trên cơ sở dồn tích phản ánh tình hình tài chính của doanh nghiệp trong quá khứ, hiện tại và tương lai.

20

Hoạt động liên tục

- Báo cáo tài chính phải được lập trên cơ sở giả định là doanh nghiệp đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần, nghĩa là doanh nghiệp không có ý định cũng như không buộc phải ngừng hoạt động hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.
- Trường hợp thực tế khác với giả định hoạt động liên tục thì báo cáo tài chính phải lập trên một cơ sở khác và phải giải thích cơ sở đã sử dụng để lập báo cáo tài chính.

21

Phù hợp

- Việc ghi nhận doanh thu và chi phí phải phù hợp với nhau. Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó.
- Chi phí tương ứng với doanh thu gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

23

Giá gốc

- Tài sản phải được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc của tài sản được tính theo số tiền hoặc khoản tương đương tiền đã trả, phải trả hoặc tính theo giá trị hợp lý của tài sản đó vào thời điểm tài sản được ghi nhận.
- Giá gốc của tài sản không được thay đổi trừ khi có quy định khác trong chuẩn mực kế toán cụ thể.

22

Nhất quán

- Các chính sách và phương pháp kế toán doanh nghiệp đã chọn phải được áp dụng thống nhất ít nhất trong một kỳ kế toán năm.
- Trường hợp có thay đổi chính sách và phương pháp kế toán đã chọn thì phải giải trình lý do và ảnh hưởng của sự thay đổi đó trong phần thuyết minh báo cáo tài chính.

24

Thận trọng

- Thận trọng là việc xem xét, cân nhắc, phán đoán cần thiết để lập các ước tính kế toán trong các điều kiện không chắc chắn. Nguyên tắc thận trọng đòi hỏi:
 - Phải lập các khoản dự phòng nhưng không lập quá lớn;
 - Không đánh giá cao hơn giá trị của các tài sản và các khoản thu nhập;
 - Không đánh giá thấp hơn giá trị của các khoản nợ phải trả và chi phí;
 - Doanh thu và thu nhập chỉ được ghi nhận khi có bằng chứng chắc chắn về khả năng thu được lợi ích kinh tế, còn chi phí phải được ghi nhận khi có bằng chứng về khả năng phát sinh chi phí.

25

Các yêu cầu cơ bản của kế toán

- Trung thực
- Khách quan
- Đầy đủ
- Kịp thời
- Dễ hiểu
- Có thể so sánh được

27

Trọng yếu

- Thông tin được coi là trọng yếu trong trường hợp nếu thiếu thông tin hoặc thiếu chính xác của thông tin đó có thể làm sai lệch đáng kể báo cáo tài chính, làm ảnh hưởng đến quyết định kinh tế của người sử dụng báo cáo tài chính.
- Tính trọng yếu phụ thuộc vào độ lớn và tính chất của thông tin hoặc các sai sót được đánh giá trong hoàn cảnh cụ thể. Tính trọng yếu của thông tin phải được xem xét trên cả phương diện định lượng và định tính

26

Bài tập thực hành 1

Ngành điện lực Việt Nam làm văn bản xin Bộ Tài chính chấp thuận cho khấu hao trên báo cáo tài chính các thiết bị điện mới đầu tư trong 5 năm mặc dù thời gian sử dụng là 20 năm. Lý do là nhanh chóng thu hồi vốn để trả nợ vay nước ngoài.

Yêu cầu: Dựa vào các nguyên tắc kế toán cơ bản và các yêu cầu cơ bản của kế toán để bình luận về phương án trên.

28

Các yếu tố cơ bản của BCTC

- Bảng cân đối kế toán
 - Tài sản
 - Nợ phải trả
 - Vốn chủ sở hữu
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
 - Doanh thu và thu nhập khác
 - Chi phí

29

Bài tập thực hành 2

Dùng định nghĩa và điều kiện ghi nhận để đánh giá các khoản sau có đủ tiêu chuẩn ghi vào tài sản của DN không:

1. DN bỏ ra 5 tỷ mua quyền sử dụng đất mà không sử dụng, chỉ giữ chờ tăng giá để bán.
2. Trong 5 năm, doanh nghiệp đã chi 300 triệu cho nhân viên đi học, nhờ đó đã tạo ra một đội ngũ nhân viên lành nghề.
3. DN trả trước tiền thuê đất ở khu công nghiệp X là 15 tỷ với thời gian là 15 năm.

31

Tài sản

- Tài sản là nguồn lực do doanh nghiệp kiểm soát và có thể thu được lợi ích kinh tế trong tương lai.
- Tài sản được ghi nhận khi:
 - Doanh nghiệp có khả năng chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai; và
 - Giá trị của tài sản đó được xác định một cách đáng tin cậy.

30

Nợ phải trả

- Nợ phải trả là nghĩa vụ hiện tại của doanh nghiệp phát sinh từ các giao dịch và sự kiện đã qua mà doanh nghiệp phải thanh toán từ các nguồn lực của mình.
- Điều kiện ghi nhận:
 - Chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại mà doanh nghiệp phải thanh toán, và
 - Khoản nợ phải trả đó phải xác định được một cách đáng tin cậy.

32

Bài tập thực hành 3

Dùng định nghĩa và điều kiện ghi nhận để đánh giá các khoản sau có đủ tiêu chuẩn ghi vào nợ phải trả của DN không:

1. DN bị kiện vì vi phạm Luật lao động. Dù chưa có quyết định chính thức nhưng chắc chắn DN sẽ phải bồi thường trong khoảng 300 triệu đồng.
2. DN bán hàng cam kết bảo hành trong 1 năm. Chi phí bảo hành phải chi ước tính đáng tin cậy trong năm sau là 200 triệu; trong đó bảo hành cho sản phẩm bán năm nay là 120 triệu và cho năm sau là 80 triệu.
3. DN công bố kế hoạch thu hồi 10.000 xe gắn máy do bị lỗi hệ thống điện có thể gây cháy nổ. Chi phí dự kiến đáng tin cậy là 400 triệu đồng.

33

Doanh thu và thu nhập khác

□ Doanh thu và thu nhập khác là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản góp vốn của cổ đông hoặc chủ sở hữu.

- Liên quan tới sự gia tăng về tài sản hoặc giảm bớt nợ phải trả và;
- Giá trị gia tăng đó phải xác định được một cách đáng tin cậy.

35

Vốn chủ sở hữu

□ Vốn chủ sở hữu là phần còn lại của tài sản sau khi trừ đi nợ phải trả

34

Bài tập thực hành 4

Dùng định nghĩa và điều kiện ghi nhận để đánh giá các khoản sau có đủ tiêu chuẩn ghi vào doanh thu/thu nhập khác của DN không:

1. Nhận tiền ứng trước của khách hàng 20 triệu đồng.
2. Nhà nước trợ giá cho một tấn nông sản tiêu thụ là 200 triệu đồng.
3. Ngân hàng Y đồng ý chuyển một khoản nợ thành vốn góp.

36

Chi phí

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

- Liên quan đến việc giảm bớt tài sản hoặc tăng nợ phải trả và,
- Chi phí phải xác định được một cách đáng tin cậy.

37

Trình bày báo cáo tài chính

- Những nguyên tắc chung được quy định ở VAS 21 “Trình bày BCTC”.
- Sẽ được nghiên cứu sâu ở học phần KTTC 3, trong chương này chỉ giới thiệu một số nội dung cơ bản:
 - Mục đích BCTC
 - Trung thực và hợp lý
 - Một số nguyên tắc trình bày.

39

Bài tập thực hành 5

1. Cho 3 thí dụ về giảm tài sản mà phát sinh chi phí.
2. Cho 3 thí dụ về tăng nợ phải trả và phát sinh chi phí.
3. Cho 3 thí dụ về giảm tài sản mà không phát sinh chi phí.
4. Cho 3 thí dụ về tăng nợ phải trả mà không phát sinh chi phí.

38

Mục đích báo cáo tài chính

Mục đích của BCTC là cung cấp thông tin theo một cấu trúc chặt chẽ về tình hình tài chính, tình hình kinh doanh, các luồng tiền và thông tin bổ sung của một doanh nghiệp, đáp ứng nhu cầu hữu ích cho số đông những người sử dụng trong việc đưa ra các quyết định kinh tế.

40

Trung thực và hợp lý

Để lập và trình bày BCTC trung thực và hợp lý, doanh nghiệp phải:

- Lựa chọn và áp dụng các chính sách kế toán phù hợp
- Trình bày các thông tin, kể cả các chính sách kế toán, nhằm cung cấp thông tin phù hợp, đáng tin cậy, so sánh được và dễ hiểu
- Cung cấp các thông tin bổ sung khi quy định trong CMKT không đủ để giúp cho người sử dụng có thể hiểu được hoạt động của doanh nghiệp.

41

Phần kế tiếp...

- ❑ Tổng quan về kế toán tài chính
- ❑ Hệ thống tài khoản kế toán Việt Nam
- ❑ Đạo đức nghề nghiệp kế toán

43

Một số nguyên tắc

- ❑ Hoạt động liên tục
- ❑ Cơ sở dồn tích
- ❑ Nhất quán
- ❑ Trọng yếu và tập hợp
- ❑ Bù trừ
- ❑ Có thể so sánh

42

Hệ thống tài khoản kế toán Việt Nam

Hệ thống tài khoản kế toán Việt Nam gồm có 76 TK cấp 1, 149 TK cấp 2 và 9 TK cấp 3, chia ra làm 9 loại:

| | |
|---------------------------------------|-----------------------|
| Tài khoản tài sản | Tài khoản loại 1 và 2 |
| Tài khoản nợ phải trả | Tài khoản loại 3 |
| Tài khoản vốn chủ sở hữu | Tài khoản loại 4 |
| Tài khoản doanh thu | Tài khoản loại 5 |
| Tài khoản chi phí sản xuất kinh doanh | Tài khoản loại 6 |
| Tài khoản thu nhập khác | Tài khoản loại 7 |
| Tài khoản chi phí khác | Tài khoản loại 8 |
| Tài khoản xác định kết quả | Tài khoản loại 9 |

44

TK Thuộc Bảng cân đối kế toán

Loại 1 và 2 : tài sản

11x: Tiền
12x: CK KD và đầu tư đến lúc đáo hạn
13x: Nợ phải thu
14x: Tạm ứng
15x: Hàng tồn kho
16x: Chi sự nghiệp
21x: Tài sản cố định
22x: Đầu tư cho chiến lược dài hạn
24x: Tài sản khác

| | |
|---------|----------------|
| TÀI SẢN | NỢ PHẢI TRẢ |
| | VỐN CHỦ SỞ HỮU |

Loại 3: Nợ phải trả

33x: Nợ phải trả thông thường
34x: Vay và nợ
35x: Dự phòng phải trả và các quỹ phải trả

Loại 4: Vốn chủ sở hữu

41x: Vốn kinh doanh và các quỹ
42x: Lãi chưa phân phối
44x: Nguồn khác
46x: Nguồn kinh phí

45

Kết cấu TK Nợ phải trả

TK Loại 3

| | |
|---|------|
| | SDĐK |
| ↓ | ↑ |
| | SDCK |

Kết cấu chung của TK Nợ phải trả

TK 331, 333, 334, 336, 337, 338

| | |
|------|------|
| SDĐK | SDĐK |
| ↓ | ↑ |
| SDCK | SDCK |

MỘT SỐ TK CÓ THỂ CÓ SỐ DƯ BÊN NỢ

47

Kết cấu TK tài sản

TK loại 1, 2

| | |
|------|---|
| SDĐK | |
| ↑ | ↓ |
| SDCK | |

Kết cấu chung của TK tài sản.

TK 214, 229

| | |
|---|------|
| | SDĐK |
| ↓ | ↑ |
| | SDCK |

Kết cấu của TK điều chỉnh giảm tài sản.

TK 131, 136, 138

| | |
|------|------|
| SDĐK | SDĐK |
| ↑ | ↓ |
| SDCK | SDCK |

Một số TK phải thu

46

Lưu ý: Nhóm TK liên quan đến thuế GTGT

- Thuế GTGT được tính trên cơ sở giá trị gia tăng trong quá trình kinh doanh.
- Khi doanh nghiệp **mua các yếu tố đầu vào** (hàng hóa, dịch vụ, TSCĐ, ...), sẽ làm phát sinh một khoản **phải thu** là thuế GTGT được khấu trừ (TK 133).
- Khi doanh nghiệp **bán hàng**, sẽ làm phát sinh một khoản **phải trả** là thuế GTGT phải nộp (TK 3331).
- Doanh nghiệp sẽ **nộp phần chênh lệch** giữa thuế GTGT phải nộp (TK 3331) với thuế GTGT được khấu trừ (TK 133).

48

TK liên quan đến thuế GTGT (tiếp)

□ Minh họa thuế GTGT

Công ty B mua chịu lô hàng H từ công ty A với **giá mua 100.000.000đ** (giá chưa thuế GTGT 10%) và bán chưa thu tiền công ty C với giá **120.000.000đ** (giá chưa thuế GTGT 10%).

Hóa đơn về bán hàng được lập bởi công ty A và công ty B được minh họa như sau:

| | | | | | | |
|--|-----------------------|-------------|----------|---|-------------|--------------------|
| HÓA ĐƠN | | | | | | Mẫu số: 01GTKT3.00 |
| GIÁ TRỊ GIA TĂNG | | | | | | Ký hiệu: AA/11P |
| Liên 1: Lưu | | | | | | Số: 0000001 |
| Ngày...1...tháng...10...năm 2013... | | | | | | |
| Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH B | | | | | | |
| Mã số thuế: 0300956899 | | | | | | |
| Địa chỉ: 7 Võ Văn Tần, Q3 Số tài khoản: | | | | | | |
| Điện thoại: | | | | | | |
| Họ tên người mua hàng: | | | | | | |
| Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH C | | | | | | |
| Địa chỉ: 9 Đào Duy Anh, QPN Số tài khoản: | | | | | | |
| Hình thức thanh toán: | | | | | | |
| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6=4x5 | |
| 1 | Hàng X | cái | 500 | 240.000 | 120.000.000 | |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 120.000.000 | |
| Thuế suất GTGT: ...10... % , Tiền thuế GTGT: | | | | | 12.000.000 | |
| Tổng cộng tiền thanh toán | | | | | 132.000.000 | |
| Số tiền viết bằng chữ: Một trăm ba mươi hai triệu đồng chẵn | | | | | | |
| Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên) | | | | Người bán hàng (Ký, đóng dấu ghi rõ họ, tên) | | |
| <i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i> | | | | | | |

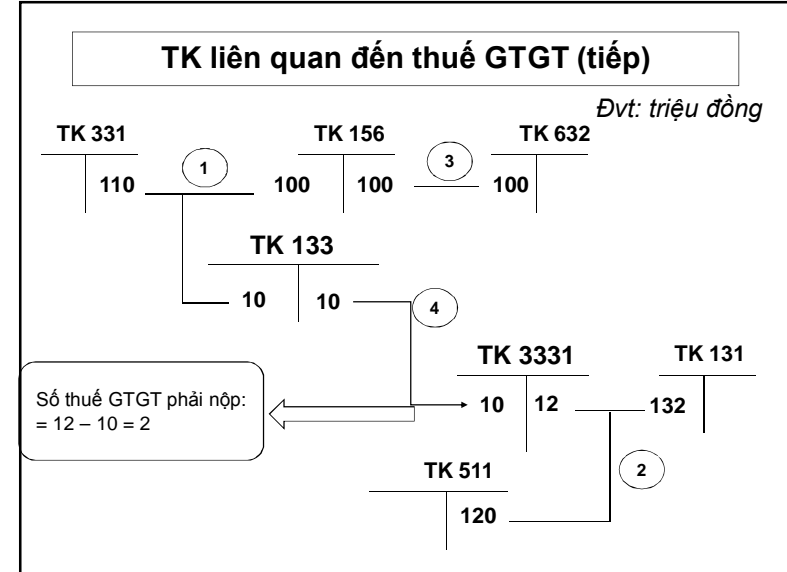
Minh họa hóa đơn do công ty B lập

| | | | | | | |
|--|-----------------------|-------------|----------|---|-------------|--------------------|
| HÓA ĐƠN | | | | | | Mẫu số: 01GTKT3.00 |
| GIÁ TRỊ GIA TĂNG | | | | | | Ký hiệu: AA/11P |
| Liên 1: Lưu | | | | | | Số: 0000001 |
| Ngày...1...tháng...10...năm 2013... | | | | | | |
| Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH A | | | | | | |
| Mã số thuế: 0300954592 | | | | | | |
| Địa chỉ: 45 Hai Bà Trưng, Quận 1 | | | | | | |
| Số tài khoản: | | | | | | |
| Điện thoại: | | | | | | |
| Họ tên người mua hàng: | | | | | | |
| Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH B | | | | | | |
| Địa chỉ: 7 Võ Văn Tần, Q3 Số tài khoản: | | | | | | |
| Hình thức thanh toán: | | | | | | |
| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6=4x5 | |
| 1 | Hàng X | cái | 500 | 200.000 | 100.000.000 | |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 100.000.000 | |
| Thuế suất GTGT: ...10... % , Tiền thuế GTGT: | | | | | 10.000.000 | |
| Tổng cộng tiền thanh toán | | | | | 110.000.000 | |
| Số tiền viết bằng chữ: Một trăm mười triệu đồng chẵn | | | | | | |
| Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên) | | | | Người bán hàng (Ký, đóng dấu ghi rõ họ, tên) | | |
| <i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i> | | | | | | |

Minh họa hóa đơn do công ty A lập

TK liên quan đến thuế GTGT (tiếp)

Đvt: triệu đồng



Bài tập thực hành 6

Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh sau (sử dụng HTTKDN):

1. Mua nguyên vật liệu đã trả bằng TGNH 300 triệu đồng (giá chưa thuế, thuế suất GTGT 10%), hàng đã về kho.
2. Chi tiền mặt tạm ứng cho nhân viên 20 triệu đồng đi công tác.
3. Mua hàng hóa đã trả bằng TGNH 440 triệu đồng (giá có thuế GTGT 10%) hàng đã về kho.
4. Vay dài hạn 500 triệu để thanh toán một khoản phải trả người bán.
5. Thanh toán tiền lương nhân viên trong kỳ 60 triệu đồng bằng chuyển khoản qua ngân hàng.

53

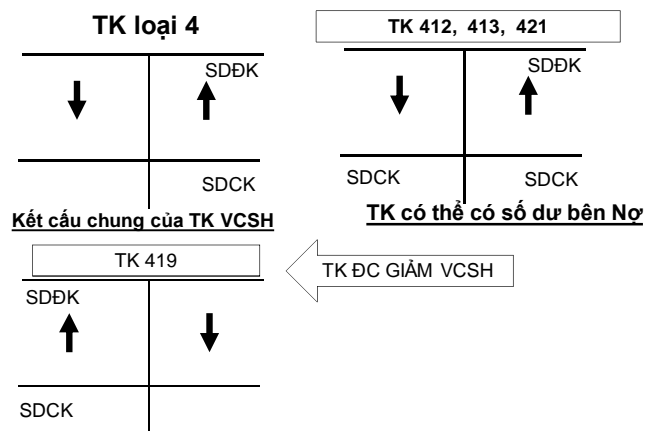
Bài tập thực hành 7

Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh sau (sử dụng HTTKDN):

1. Chủ sở hữu góp vốn bằng tiền mặt 400 triệu đồng, bằng tài sản cố định 300 triệu đồng.
2. Dùng lợi nhuận chưa phân phối để lập quỹ đầu tư phát triển 300 triệu đồng.
3. Chia cổ tức bằng tiền mặt 200 triệu đồng.
4. Dùng lợi nhuận chưa phân phối bổ sung nguồn vốn kinh doanh 700 triệu đồng.

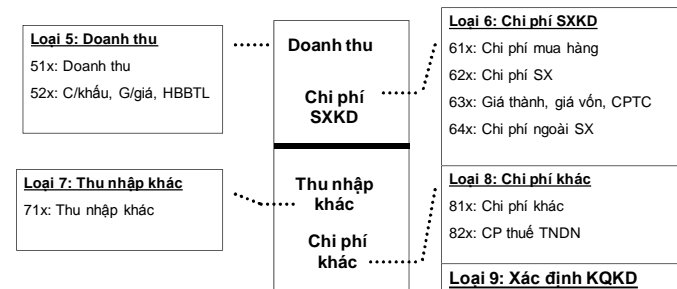
55

Kết cấu TK Vốn chủ sở hữu



54

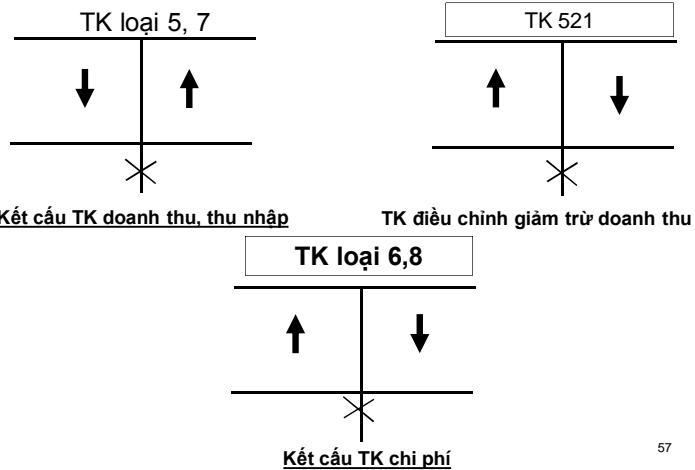
Tài khoản thuộc Báo cáo KQKD



Đây là các TK trung gian phản ánh các quá trình kinh doanh, chỉ tập hợp trong kỳ và được kết chuyển toàn bộ vào cuối kỳ nên tất cả các TK thuộc loại này đều không có số dư.

56

Kết cấu TK doanh thu, thu nhập, chi phí



57

Bài tập thực hành 8

Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh sau (sử dụng HTTKDN):

1. Bán hàng thu tiền gửi ngân hàng 400 triệu đồng (giá chưa thuế, thuế GTGT 10%)
2. Bán hàng cho người mua trả chậm 600 triệu đồng (giá chưa thuế, thuế GTGT 10%).
3. Giá xuất kho của hàng hóa đã bán là 500 triệu đồng.
4. Tính lương nhân viên BPBH là 30 triệu đồng, BPQL là 15 triệu đồng.
5. Khấu hao TSCĐ dùng cho BPBH là 10 triệu đồng.
6. Lãi tiền gửi ngân hàng nhận được bằng TGNH là 2 triệu đồng.
7. Bị phạt vi phạm hợp đồng là 12 triệu đồng nộp bằng TM.

59

Kết cấu TK 911- Xác định kết quả HĐKD



58